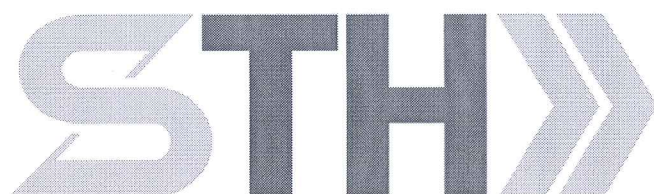


**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**  
**Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 4/2023**

**Gồm các biểu:**

- 1. Bảng cân đối kế toán**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh BCTC**

**THÁI NGUYÊN - 2024**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>173.222.523.417</b>	<b>172.941.439.368</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.610.868.718</b>	<b>4.426.649.949</b>
1. Tiền	111		2.610.868.718	4.426.649.949
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.647.385.000</b>	<b>6.794.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	13.014.842.463	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.367.457.463)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (1288)	123			6.794.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.956.555.159</b>	<b>151.990.638.949</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	1.361.392.279	5.704.031.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	154.401.079	209.823.858
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	1.800.000.000	3.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	141.640.761.801	142.852.038.625
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.8		(25.255.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.912.396.314</b>	<b>9.008.385.192</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	13.912.396.314	9.008.385.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>95.318.226</b>	<b>721.765.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	95.318.226	273.795.279
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			207.969.999
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			240.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.590.801.160</b>	<b>89.199.978.706</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>387.990.000</b>	<b>387.990.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	387.990.000	387.990.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.781.380.185</b>	<b>10.503.360.351</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	12.179.485.029	10.204.522.852
<i>Nguyên giá</i>	222		21.977.947.381	18.713.967.751
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-9.798.462.352	-8.509.444.899
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	601.895.156	298.837.499
<i>Nguyên giá</i>	228		832.250.000	474.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-230.354.844	-175.662.501
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.632.317.124</b>	<b>8.067.796.753</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	3.429.258.924	3.819.758.923
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	203.058.200	4.248.037.830
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.15</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>67.032.464.872</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			51.425.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.020.700.000	20.020.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			(4.413.235.128)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.768.413.851</b>	<b>3.208.366.730</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.768.413.851	3.208.366.730
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>211.813.324.577</b>	<b>262.141.418.074</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
1	2	3	4	4
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.462.811.629</b>	<b>66.023.803.494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.781.326.550</b>	<b>27.663.018.415</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	2.086.361.247	21.736.088.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	82.148.002	80.469.801
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.18	134.412.705	
4. Phải trả người lao động	314		539.216.096	385.413.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	1.767.510.000	215.550.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	228.909.082	389.090.906
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	201.692.087	234.810.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	5.664.724.831	4.545.243.136
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23a	76.352.500	76.352.500
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.681.485.079</b>	<b>38.360.785.079</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	65.500.000	65.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	3.615.985.079	38.295.285.079
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.350.512.948</b>	<b>196.117.614.580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>197.350.512.948</b>	<b>196.117.614.580</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	195.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.651.365.473	418.467.105
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		418.467.105	4.118.293.370
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.232.898.368	-3.699.826.265
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>211.813.324.577</b>	<b>262.141.418.074</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

Lập ngày 19 tháng 01 năm 2024

Phó tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
			4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.911.158.893	9.039.411.022	25.729.486.087	30.081.404.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-			
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.911.158.893	9.039.411.022	25.729.486.087	30.081.404.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.175.632.433	4.662.938.157	16.931.076.763	21.848.289.193
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.735.526.460	4.376.472.865	8.798.409.324	8.233.115.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	105.741.716	45.716.414	5.210.916.518	813.137.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	648.850.703	48.948.449	1.044.601.872	4.832.903.551
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		648.850.703	48.948.449	1.044.601.872	419.668.422
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.258.697.899	1.592.356.352	4.924.401.329	3.516.864.314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.425.351.487	2.535.768.663	6.160.765.851	4.454.173.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(1.491.631.913)	245.115.815	1.879.556.790	(3.757.689.159)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	(280.937.341)	17.029.807	68.429.348	58.132.516
12. Chi phí khác	32	VI.9	(287.497.915)		406.863.178	269.623
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.560.574	17.029.807	(338.433.830)	57.862.893
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.485.071.339)	262.145.622	1.541.122.960	(3.699.556.643)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		52.429.124	308.224.592	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.485.071.339)	209.716.498	1.232.898.368	(3.699.556.643)

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*(Signature)*

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*(Signature)*

Phùng Thị Hà

Lập, Ngày 19 tháng 01 năm 2024



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư lũy kế đến Quý 4/2023	Số dư lũy kế đến Quý 4/2022
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.541.122.960</b>	<b>456.787.692</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.482.079.147	508.513.287
- Các khoản dự phòng	03		(3.071.033.166)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(742.029.646)	(563.466.743)
- Chi phí lãi vay	06		542.750.545	313.790.554
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(247.110.160)</b>	<b>715.624.790</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.724.698.096	(19.059.398.597)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.513.511.122)	(1.276.526.433)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(17.295.587.936)	18.968.062.364
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.618.429.932	377.413.621
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		7.005.857.537	(20.020.700.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14			(313.790.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.707.223.653)</b>	<b>(20.609.314.809)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		284.880.649	(655.123.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(409.244.286)	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)	(3.450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.044.000.000	18.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(4.747.675.636)	518.012.198
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.371.960.727</b>	<b>14.458.343.243</b>

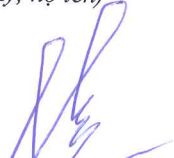
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		17.437.617.529	8.114.208.113
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.918.135.834)	(2.666.468.440)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.519.481.695</b>	<b>5.447.739.673</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.815.781.231)</b>	<b>(703.231.893)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.426.649.949</b>	<b>6.998.617.455</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.610.868.718</b>	<b>6.295.385.562</b>
			-	-

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



**Đỗ Thị Duyên**

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



**Phùng Thị Hà**

Lập ngày 19 tháng 01 năm 2024

Phó tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Lê Thị Mai Liên**

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09 tháng 6 năm 2023.

**Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 là 195.000.000.000 VND**

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Số 65, tổ 2, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

: Thương mại, dịch vụ

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ tài chính bao gồm:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê mặt bằng./.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

##### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021 và số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

##### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 54 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 45 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023** (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

---

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
  - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Tài sản đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

---

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

---

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023** (tiếp theo)

---

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

---

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 18. Công cụ tài chính

#### **Tài sản tài chính**

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

### Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2023

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.144.701.739	3.489.407.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	466.166.979	937.242.070
<b>Cộng</b>	<b>2.610.868.718</b>	<b>4.426.649.949</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)****2. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Cổ phiếu kinh doanh</i>						
DHM – Công ty CP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu	1.542.700	13.014.842.463	(1.367.457.463)			
<b>Cộng</b>	<b>1.516.700</b>	<b>13.014.842.463</b>	<b>(1.367.457.463)</b>			

**3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân Đội			6.794.000.000	6.794.000.000
<b>Cộng</b>			<b>6.794.000.000</b>	<b>6.794.000.000</b>

**4. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>987,570,210</b>	<b>4.332.404.996</b>
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	987,570,210	4.273.605.586
Công ty Cổ phần Cao Dương Phát		42.655.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Cao Bắc		16.144.410
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>159.160.918</b>	<b>1.371.626.970</b>
Công ty TNHH Dịch vụ taxi Miền Bắc	8,947,920	264.902.250
Bệnh viện Gang thép	100,704,998	-
Khoa khám bệnh theo yêu cầu - Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên	49,508,000	-
Các khách hàng khác	214.661.151	1.106.724.720
<b>Cộng</b>	<b>1,361,392,279</b>	<b>5.704.031.966</b>

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>112.010.000</b>	<b>112.010.000</b>
Công ty Cổ phần Cao Dương Phát	112.010.000	112.010.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	<b>1,245,001</b>	<b>97.813.858</b>
Đặng Thị Mai Hằng	1,245,001	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ văn hóa Đình Tị		37.765.149
Các nhà cung cấp khác	41.146.078	60.048.709
<b>Cộng</b>	<b>154,401,079</b>	<b>209.823.858</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

### 6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay với lãi suất 7,5%/năm	-	600.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hương vay với lãi suất 7,5%/năm	-	700.000.000
Cho bà Phạm Thị Hồng Hạnh vay với lãi suất 7,5%/năm	-	750.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay với lãi suất 7,5%/năm	-	550.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hồng Mỹ vay với lãi suất 7,5%/năm	-	650.000.000
Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
Cho bà Nguyễn Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>3.250.000.000</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

#### a, Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>139.903.293.000</b>	-	<b>140.906.350.000</b>	-
Bà Nguyễn Thị Quy- Tạm ứng	4,503,293,000	-	5.206.350.000	-
Bà Lê Thị Mai Liên - Tạm ứng	-	-	300.000.000	-
Cty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)	135.400.000.000	-	135.400.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.737.468.801</b>	-	<b>1.945.688.625</b>	-
Tạm ứng	1.630.958.000	-	1.607.958.000	-
Phải thu tiền lãi cho vay	105.632.874	-	331.866.562	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	877.927	-	5.864.063	-
<b>Cộng</b>	<b>141.640.761.801</b>	-	<b>142.852.038.625</b>	-

(\*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)****b, Dài hạn**

Là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty Cổ phần Cao Dương Phát.

**8. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
				Không có khả năng thu hồi	25.255.500	25.255.500
<b>Cộng</b>					<b>25.255.500</b>	<b>25.255.500</b>

**9. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.912.396.314	-	9.008.385.192	-
<b>Cộng</b>	<b>13.912.396.314</b>	<b>-</b>	<b>9.008.385.192</b>	<b>-</b>

**10. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	-	4.680.000
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	90.150.210	257.318.204
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.168.016	11.797.075
<b>Cộng</b>	<b>95.318.226</b>	<b>273.795.279</b>

**b, Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.593.436.441	2.614.436.443
Dịch vụ vận chuyển trả trước	174.977.410	593.930.287
<b>Cộng</b>	<b>1.768.413.851</b>	<b>3.208.366.730</b>

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	16.054.522.371	259.037.400	2.400.407.980	18.713.967.751
Mua TSCĐ trong kỳ	4.079.979.630	-	-	4.079.979.630
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(816.000.000)	(816.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.134.502.001</b>	<b>259.037.400</b>	<b>1.584.407.980</b>	<b>21.977.947.381</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	662.451.960	179.970.582	979.802.333	1.822.224.875
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	7.287.881.244	188.135.393	1.033.428.262	8.509.444.899
Khấu hao trong kỳ	1,111,175,388	26,355,612	289,855,804	1.427.386.804
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(138.369.351)	(138.369.351)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.399.056.632</b>	<b>214.491.005</b>	<b>1.184.914.715</b>	<b>9.798.462.352</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.766.641.127	70.902.007	1.366.979.718	10.204.522.852
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.735.445.369</b>	<b>44.546.395</b>	<b>399.493.265</b>	<b>12.179.485.029</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

Tài sản cố định là “Nhà làm việc và bán hàng”, “Cửa hàng sách Phố Yên” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 4.018.111.163 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

**12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.429.258.923	-	3.819.758.923	-
<b>Cộng</b>	<b>3.429.258.923</b>	<b>-</b>	<b>3.819.758.923</b>	<b>-</b>

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	4.248.037.830	35.000.000	(4.079.979.630)	203.058.200
Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương	3.733.463.889		(3.733.463.889)	-
XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER	168.058.200	35.000.000		203.058.200
Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhại	346.515.741		(346.515.741)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.248.037.830</b>	<b>35.000.000</b>	<b>(4.079.979.630)</b>	<b>203.058.200</b>

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	51.425.000.000	(4.413.235.129)
Cty Cổ phần Cao Dương Phát (*)	-	-	51.425.000.000	(4.413.235.129)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (**)	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>	<b>71.445.700.000</b>	<b>(4.413.235.129)</b>

	Số cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.020.700.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (**)	20.020.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.020.700.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

(\*\*) Năm 2022, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-	<b>20.020.700.000</b>	<b>20.020.700.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	-	20.020.700.000	20.020.700.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>399.543.736</b>	<b>399.543.736</b>	<b>1.715.388.343</b>	<b>1.715.388.343</b>
Cty TNHH Thương mại Sao Nam			343.316.330	343.316.330
Công ty TNHH Hợp Thành Phát Thái Nguyên	249.724.931	249.724.931	81.476.127	81.476.127
Cty Cổ Phần Nông Nghiệp HDT	149.818.805	149.818.805	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.686.817.511	1.686.817.511	1.290.595.886	1.290.595.886
<b>Cộng</b>	<b>2.086.361.247</b>	<b>2.086.361.247</b>	<b>21.736.088.343</b>	<b>21.736.088.343</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL	82.148.000	38.388.000
Trường tiểu học Tân Thành 2	-	-
Các khách hàng khác	2	42.081.801
<b>Cộng</b>	<b>82.148.002</b>	<b>80.469.801</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp đầu năm	Số thuế nộp thừa đầu năm	Số phải nộp phát sinh trong năm	Số đã nộp	Số phải nộp cuối kỳ	Số thuế nộp thừa cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	66.188.113	-	66.188.113	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	240.000.000	308.224.592	-	68.224.592	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	19.290.800	(19.290.800)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	199.582.493	(199.582.493)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>240.000.000</b>	<b>597.285.998</b>	<b>(222.873.293)</b>	<b>134.412.705</b>	<b>-</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Cao Dương Phát về tiền thuê văn phòng.

**20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI	145.454.538	290.909.091
Chi nhánh công ty cổ phần bán lẻ kxy thuật số FPT tại Hà Nội	83.454.544	-
Các khách hàng khác	-	98.181.815
<b>Cộng</b>	<b><u>228.909.082</u></b>	<b><u>389.090.906</u></b>

**21. Các khoản phải trả ngắn hạn khác****a, Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>199.680.000</b>	<b>199.680.000</b>
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	199.680.000	199.680.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>1.733.887</b>	<b>35.130.719</b>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.733.887	35.130.719
<b>Cộng</b>	<b><u>201.992.087</u></b>	<b><u>234.810.719</u></b>

**b, Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cầm cố, ký cược ký quỹ	65.500.000	65.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>65.500.000</u></b>	<b><u>65.500.000</u></b>

**22. Vay và nợ thuê tài chính****a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên	5.257.468.148	5.257.468.148	4.545.243.136	4.545.243.136
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Vay margin	407.256.683	407.256.683	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.664.724.831</u></b>	<b><u>5.664.724.831</u></b>	<b><u>4.545.243.136</u></b>	<b><u>4.545.243.136</u></b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được ra hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2023, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2024. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

(2) Là khoản vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.545.243.136	13,299,171,166	-	(12,586,946,154)	5.257.468.148
Vay Margin	-	2.738.446.363	-	(2.331.189.680)	407.256.683
<b>Cộng</b>	<b>4.545.243.136</b>	<b>16.037.617.529</b>	<b>-</b>	<b>(14.918.135.834)</b>	<b>5.664.724.831</b>

### b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.615.985.079</b>	<b>3.615.985.079</b>	<b>38.295.285.079</b>	<b>38.295.285.079</b>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng</i>	3.615.985.079	3.615.985.079	38.295.285.079	38.295.285.079
<b>Cộng</b>	<b>3.615.985.079</b>	<b>3.615.985.079</b>	<b>38.295.285.079</b>	<b>38.295.285.079</b>

Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng với lãi suất 7,5%/năm. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty.

Chi tiết về số phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Giảm do bù trừ công nợ	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	38.295.285.079	1.400.000.000	(36.079.300.000)	3.615.985.079
<b>Cộng</b>	<b>38.295.285.079</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>(36.079.300.000)</b>	<b>3.615.985.079</b>

### 23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
<b>Cộng</b>	<b>76.352.500</b>	<b>76.352.500</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	4.118.293.370	199.817.440.845
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(3.699.826.265)	(3.699.826.265)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>418.467.105</b>	<b>196.117.614.580</b>
Số dư đầu năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	418.467.105	196.117.614.580
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.232.898.368	1.232.898.368
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>1.651.365.473</b>	<b>197.350.512.948</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy	26.216.200.000	12,54%	26.216.200.000	12,54%
Bà Bạch Phương Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,90%	89.687.600.000	46,90%
<b>Cộng</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	20.223.118.308	19.815.230.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.510.009.019	10.266.173.785
<b>Cộng</b>	<b><u>25.733.127.327</u></b>	<b><u>30.081.404.273</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15,802,046,565	15.549.968.685
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.129.030.198	6.298.320.508
<b>Cộng</b>	<b><u>16.931.076.763</u></b>	<b><u>21.848.289.193</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	454,531,011	813.137.079
Lãi chuyển nhượng công ty con	4.675.000.000	-
DT hoạt động tài chính từ ĐT chứng khoán	81.385.507	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.210.916.518</u></b>	<b><u>813.137.079</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)

### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	542,750,545	419.668.422
Lỗ bán chứng khoán	3.547.628.933	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.045.777.606)	4.413.235.129
<b>Cộng</b>	<b>1.044.601.872</b>	<b>4.832.903.551</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,744,596,328	2.615.833.322
Chi phí vật liệu, bao bì		3.224.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320,577,120	221.341.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189,367,413	232.142.317
Các chi phí khác	669.860.468	444.321.828
<b>Cộng</b>	<b>4,924,401,329</b>	<b>3.516.864.314</b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,586,081,000	1.428.899.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,161,502,027	915.243.464
Thuế, phí và lệ phí	407,873,035	419.015.334
Dự phòng (Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi		(18.481.778)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,805,246	10.439.281
Các chi phí khác	2.990.504.543	1.699.057.586
<b>Cộng</b>	<b>6.160.765.851</b>	<b>4.454.173.453</b>

### 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý CCDC		-
Lãi thanh lý tài sản cố định		45.454.545
Các khoản thu nhập khác	68.429.348	12.677.971
<b>Cộng</b>	<b>68.429.348</b>	<b>58.132.516</b>

### 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	8.675.972	
Lỗ thanh lý TSCĐ	390.132.014	
Chi phí khác	8.055.192	269.623
<b>Cộng</b>	<b>406.863.178</b>	<b>269.623</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023 (tiếp theo)**

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.541.122.960	(3.699.826.265)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<u>308.224.592</u>	
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>308.224.592</u></b>	

Lập ngày 19 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thị Mai Liên